TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 158/2025/QĐST-HNGĐ	*Cà Mau, ngày 04 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 255/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thanh T**, sinh ngày 22/11/1988; Địa chỉ: Số Z, Khóm C, phường B, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Triệu Minh T1**, sinh ngày 05/11/1987; Địa chỉ: Số A, Khóm D, phường B, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thanh T và anh Triệu Minh T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thanh T và anh Triệu Minh T1 thống nhất thuận tình ly hôn

- Về con chung: Giao cháu Triệu Khánh V, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2016 và cháu Triệu Khả V1, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2019 cho chị Trần Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện tại cháu Khánh V và Khả V1 sống với chị T), chị Trần Thanh T không yêu cầu anh Triệu Minh T1 cấp dưỡng

nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Triệu Minh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thanh T và anh Triệu Minh T1 thống nhất tự thỏa thuận được, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Chị Trần Thanh T và anh Triệu Minh T1 thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình thuận tình ly hôn là 150.000đ, chị Trần Thanh T tự nguyện chịu toàn bộ, nên buộc chị Trần Thanh T phải nộp số tiền 150.000đ. Do chị Trần Thanh T đã dự nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0005415, ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Cà Mau, nay chuyển thu án phí số tiền 150.000đ; Chị Trần Thanh T được hoàn lại số tiền 150.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THA.DS khu vực 6 – Cà Mau;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Từ Văn Nhứt